

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **3524**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
Ngành Quản lý kinh tế – Mã ngành: 8310110**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 3757/TB-ĐHTCM ngày 17 tháng 12 năm 2024 về kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại cuộc họp tháng 12/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Kinh tế - Luật. ✓

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng và Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã ngành: 8310110.

Điều 2. Chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và nhập học từ năm 2025 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế - Luật và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..✓

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT. ✓

**HIỆU TRƯỞNG****Phạm Tiến Đạt**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Định hướng ứng dụng

Năm 2024

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
3. THÔNG TIN CHUNG.....	1
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	2
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....	3
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ.....	4
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:.....	4
8. TUYỂN SINH:.....	5
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:	7
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT	9
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	10
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	13
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....	16
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....	27
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy.....	27
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	29
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	30
4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp ...	32
5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng	32
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....	33
E. PHỤ LỤC	34
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	34
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....	34
Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế với chương trình đào tạo của các trường Đại học kinh tế quốc dân	35

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3524/QĐ-ĐHTCM ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng Ngành Quản lý kinh tế theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng lần đầu tiên năm 2024. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Chủ trì ngành/quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản lý kinh tế

3.2. Tên chương trình đào tạo: Quản lý kinh tế

3.3. Trình độ: thạc sĩ

3.4. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.5. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.6. Mã ngành đào tạo: 8310110

3.7. Thời gian đào tạo: 2 năm. Thời gian học tập tối đa: 4 năm

3.8. Loại hình đào tạo:

3.9. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.10. Khoa quản lý: Kinh tế - Luật

3.11. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.12. Chứng nhận chất lượng:

3.13. Website: ufm.edu.vn

3.14. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế hướng ứng dụng - Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học kinh tế quốc dân.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Phenikaa.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3.1. Năm rà soát, cập nhật: 2024

3.2. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau đây:

- Cán bộ quản lý hoạt động kinh tế ở các đơn vị công.
- Chuyên gia phân tích chính sách trong các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương, các tổ chức tư vấn về chính sách và các tổ chức kinh tế - xã hội.
- Các nhà nghiên cứu, các giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm giúp cho học viên nâng cao kiến thức quản lý kinh tế, có khả năng làm chủ được kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- **PO1:** Cung cấp kiến thức mới theo hướng chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế, có thể đảm nhiệm công việc với vai trò là một chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PO2:** Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn của các cơ quan quản lý nhà nước trong môi trường toàn cầu hóa.

❖ Về kỹ năng:

- **PO3:** Kỹ năng cần thiết về quản lý kinh tế như kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

- **PO4:** Kỹ năng tư duy, phản biện, nghiên cứu độc lập, tổng hợp, cập nhật kiến thức, phân tích và phản biện các chính sách hiện hành.

- **PO5:** Kỹ năng đánh giá, phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- **PO6:** Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, đối tượng quản lý đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác, đối tượng quản lý.

- **PO7:** Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ Về kiến thức:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý, sáng tạo, chủ động trong giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- **PLO2:** Tổng hợp kiến thức một cách có chọn lọc, phân tích tác động chính sách kinh tế đến thực tiễn hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.

- **PLO3:** Đánh giá chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, về quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.

- **PLO4:** Lập luận, phân tích các vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

❖ Về kỹ năng:

- **PLO5:** Hoạch định, lập được kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính

sách về quản lý kinh tế.

- **PLO6:** Vận dụng thành thạo các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích của ngành kinh tế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý.

- **PLO7:** Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PLO8:** Phân tích đánh giá được các hoạt động quản lý kinh tế.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- **PLO9:** Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PLO10:** Thích nghi, tự định hướng, tôn trọng đạo đức và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến chung	7	11,5
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	45	73,8
3	Tốt nghiệp	9	14,7
	Tổng	61	100

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

7.1. Quy trình đào tạo:

- Quy trình đào tạo được Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo:

- Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế được tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:

a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bằng điểm

Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH:

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế.

8.2. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Kinh tế học;

+ Quản trị học.

8.3. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học Ngành Quản lý kinh tế.

- Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với Ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với Ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần:

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính – Marketing với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học các chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên, được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường, với số tín chỉ không vượt quá 15. (Các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

8.5.1. Ngành đúng, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Quản lý kinh tế.

b) Ngành gần: là các ngành đào tạo cử cùng nhóm ngành với Ngành Quản lý kinh tế theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Ngành khác: là các ngành không phải ngành đúng không phải ngành gần nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo, theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

8.5.2. Danh sách các học phần học bổ sung đối với ngành gần và ngành khác

❖ *Ngành gần:* bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ, cụ thể:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế học	3
Tổng		8

❖ *Ngành khác:* bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				7		
1	A_MEM01	Triết học	Philosophy	4		
2	A_MEM31	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	3	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				45		
2.1	Kiến thức bắt buộc			30		
3	A_MEM32	Kinh tế học khu vực công	Public economics	3		
4	A_MEM33	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	Economic analysis, forecasting and monitoring	3		
5	A_MEM34	Quản lý đầu tư công và tài sản công	Public investment and assets managemen	3		
6	A_MEM35	Khoa học quản lý	Management	3		
7	A_MEM36	Thẩm định giá tài sản công	Public assets appraisal	3		
8	A_MEM37	Tài chính công nâng cao (*)	Advanced public finance	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
9	A_MEM38	Marketing địa phương	Local marketing	3		
10	A_MEM39	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	Advanced development economics	3		
11	A_MEM40	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	Advanced business data analytics	3		
12	A_MEM42	Chuyên đề thực tế 1	Practicum 1	3		3
2.2 Kiến thức chuyên ngành tự chọn:				15		3
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 HP)						
A	<i>Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững</i>					
13	A_MEM43	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	Management of linkages and economic development of regions, localities.	3		
14	A_MEM44	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	Managing digital transformation in the public sector	3		
15	A_MEM45	Mô hình kinh tế mới	New Economic Models	3		
16	A_MEM46	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	Decision-making model and change management in the public sector	3		
17	A_MEM54	Chuyên đề thực tế 2	Practicum 1	3		3
B	<i>Định hướng Quản lý dự án</i>					
18	A_MEM47	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Project formation and appraisal	3		
19	A_MEM48	Quản lý dự án đầu tư công		3		
20	A_MEM49	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	Laws in construction project management	3		
21	A_MEM50	Quản lý mua sắm và hợp đồng	Project procurement and contract management	3		
22	A_MEM51	Chuyên đề thực tế 2	Practicum 2	3		3
3. Tốt nghiệp				9		
23	A_MEM53	Đề án tốt nghiệp	Graduation Thesis	9		
Tổng số tín chỉ khóa học				61		6

11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I	Kiến thức chung										
1	Triết học	R				R					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	R				R					
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1	Kiến thức bắt buộc										
3	Kinh tế học khu vực công	M		R	R			M	M	R	
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế		M	M	M		M	M	M	M	M
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công		M	M	M		M	M	M	M	M
6	Khoa học quản lý		M	M	M		M	M	M	M	M
7	Thẩm định giá tài sản công	M	M	A	M		M	A	M	M	M
8	Tài chính công nâng cao (*)	M	A	M	M	A	M		A	M	M
9	Marketing địa phương	M	M	A	M			M	M	M	
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	R	R	M	R	R	M	M	R	M	M
11	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	M		R	R			M	M	R	
12	Chuyên đề thực tế 1	M	M	A	M			M	M	M	
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn										
<i>a</i>	<i>Định hướng Quản lý kinh tế số - bền vững</i>										
13	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	A	R	M	M			M	M	M	
14	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	M	R	R	M			R	M	M	
15	Mô hình kinh tế mới		M	M	M		M	M	M	M	M
16	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	M	M	R	M	M		M	M	M	
17	Chuyên đề thực tế 2	R	R	M	R	R	M	M	R	M	M

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<i>b</i>	<i>Định hướng quản lý dự án</i>				M			R	R		R
18	Lập Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	R		R	M		M	M	M	M	
19	Quản lý dự án đầu tư công	M	A	M	M	A	M		A	M	M
20	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	M			M			R	M	R	
21	Quản lý mua sắm và hợp đồng	M			M			R	M	R	
22	Chuyên đề thực tế 2	R	R	M	R	R	M	M	R	M	M
III	Tốt nghiệp										
23	Đề án tốt nghiệp	M	A	A	A	M	M	A	M	A	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thực/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/đàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học

tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, hứng khởi về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ Thực hành:

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ Hướng dẫn tự học:

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ Tự học:

- *Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:* Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- Trong trường hợp Tự học theo nhóm:

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện vấn đề marketing của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết, các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá vấn đề marketing thực tiễn để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề marketing trong thực tiễn.

12.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing, ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết:

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành:

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận	X	X	X	X	X		X			
2.2 Bài thi trắc nghiệm	X	X	X							
2.3 Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP										
Bài Báo cáo khóa luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo Báo cáo thực tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
3	Kinh tế học khu vực công	3		
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3		
6	Khoa học quản lý	3		
7	Thẩm định giá tài sản công	3		
8	Tài chính công nâng cao (*)	3		
9	Marketing địa phương	3		
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	3		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	
2	Chuyên đề thực tế 1	3		
<i>Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững</i>				
3	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	3		
4	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	3		
5	Mô hình kinh tế mới	3		
6	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	3		
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
<i>Định hướng quản lý dự án</i>				
3	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3		
4	Quản lý dự án đầu tư công	3		
5	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	3		
6	Quản lý mua sắm và hợp đồng	3		
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
Tốt nghiệp				
8	Đề án tốt nghiệp	9		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Triết học Tín chỉ: 4

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- Mục tiêu của học phần: Củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và Marketing nói riêng; giúp người học nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Học viên có kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cụ thể lĩnh vực marketing phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Tóm tắt nội dung: Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính và Quản trị kinh doanh.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền tảng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

3. Kinh tế khu vực công

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần này trang bị cho người học kiến thức về vai trò và chức năng của khu vực công trong nền kinh tế thị trường; giúp người học nắm vững các mô hình cung cấp dịch vụ công, phân phối nguồn lực công và công cụ tài chính công; phân tích và đánh giá được các chính sách công, đặc biệt trong các lĩnh vực ngân sách, thuế và cải cách khu vực công; vận dụng các phương pháp phân tích định lượng, chi phí-lợi ích trong đánh giá và thiết kế chính sách công; phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định chính sách trong lĩnh vực khu vực công.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về kinh tế học của khu vực công, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường bao gồm vai trò phân bổ lại nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, vai trò phân bổ lại thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, các công cụ và cách thức thực hiện chính sách công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

4. Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên các kiến thức về nguyên lý, quy trình, phương pháp, các phương pháp phân tích, các mô hình dự báo, giám sát kinh tế. Học viên nâng cao khả năng sử dụng các công cụ phân tích, dự báo và giám sát kinh tế nhằm vận dụng kết quả phân tích trong việc hỗ trợ ra quyết định kinh tế và chính sách kinh tế trong từng trường hợp cụ thể. Người học thực hành độc lập và theo nhóm trong việc xử lý các tình huống kinh tế phức tạp.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế cung cấp kiến thức và kỹ năng phân tích kinh tế, dữ liệu kinh tế, dự báo xu hướng và giám sát kinh tế trong bối cảnh hội nhập và biến đổi toàn cầu hóa. Học viên sẽ tiếp cận các công cụ và phương pháp phân tích kinh tế hiện đại, bao gồm các phương pháp phân tích kinh tế, các mô hình dự báo và hệ thống chỉ báo giám sát kinh tế. Học viên vận dụng các phương pháp phân tích, dự báo và giám sát kinh tế vào những tình huống cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

5. Quản lý đầu tư công và tài sản công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý đầu tư công và tài sản công; Hiểu rõ quy trình quản lý tài sản công, mua sắm tài sản công, đầu tư công và quản lý nợ công; từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đầu tư công và tài sản công.

▪ Tóm tắt nội dung: Quản lý đầu tư công và tài sản công là học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về những vấn đề quản lý tài sản công và quản lý đầu tư công. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về quản lý tài sản công; quản lý mua sắm tài sản công, lựa chọn nhà thầu, quản lý đầu tư công và quản lý nợ công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

6. Khoa học quản lý

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn giúp người học hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, bình luận về những vấn đề liên quan đến môn học. Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành công cụ khoa học và sáng tạo nghệ thuật trong quản lý ở cấp độ cơ quan, tổ chức.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cho người học với những nội dung cơ bản: (1) Lịch sử phát triển các tư tưởng quản lý (2) Chức năng quản lý (3) Cơ cấu tổ chức quản lý; (4) Quy luật quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý; (5) Lao động quản lý; (6) Cán bộ quản lý; (7) Thông tin quản lý; (8) Quyết định quản lý. Ngoài ra, Học phần còn sử dụng nhiều tình huống thực tiễn về hoạt động quản lý trong các cơ quan, tổ chức nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động quản lý với sự phát triển của cơ quan, tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

7. Thẩm định giá tài sản công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về thẩm định giá tài sản công thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá. Bên cạnh cung cấp kiến thức về khung pháp lý cho hoạt động thẩm định giá tài sản công, học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng vận dụng các phương pháp thẩm định giá tài sản theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam hiện hành. Học phần hướng tới rèn luyện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ham học, cầu tiến để tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, nâng cao trình độ cho người học.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần có các nội dung chính: (1) Tổng quan về tài sản công và thẩm định giá tài sản công, (2) Cơ sở giá trị và phạm vi công việc thẩm định giá, (3) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ thị trường, (4) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ chi phí, (5) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ thu nhập, (6) Hồ sơ thẩm định giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

8. Tài chính công nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung

▪ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công, bao gồm thuế, chi tiêu công, và nợ công. Hiểu rõ các công cụ tài chính công và chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Phân tích, đánh giá hiệu quả các chính sách tài chính công trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách tài chính công dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Rèn luyện tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết các thách thức tài chính công.

▪ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tài chính công nâng cao nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính công trong quản trị nhà nước hiện đại. Nội dung học phần bao gồm phân tích hệ thống thuế và chi tiêu công, các chiến lược quản lý nợ công bền vững, và các mô hình cải cách tài chính công. Đặc biệt, học phần tập trung vào vai trò và các công cụ của tài chính công trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO8(A), PLO9(M), PLO10(M).

9. Marketing địa phương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần giúp củng cố và phát triển các kiến thức, kỹ năng của học viên trong việc xây dựng chiến lược marketing địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút nguồn lực phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế địa phương. Học phần này cũng giúp học viên phát triển năng lực và khả năng ra quyết định marketing liên quan đến chiến lược phát triển của địa phương.

▪ Tóm tắt nội dung: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức tổng quát về marketing địa phương, bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, chủ thể thực hiện marketing địa phương; quy trình thực hiện chiến lược marketing địa phương, các chiến lược marketing hướng tới các đối tượng khách hàng mục tiêu của địa phương cũng như

các chiến lược tạo dựng hình ảnh địa phương, xây dựng thương hiệu địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

10. Kinh tế phát triển nâng cao Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này giúp học viên nắm bắt và vận dụng sáng tạo được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu, những kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý và thái độ, nhận thức với vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh mới một cách hiệu quả, đặc biệt ở các khu vực nền kinh tế mới nổi như Việt Nam.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế phát triển, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ quan, đơn vị và địa phương trong thực tiễn. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; các động lực phát triển kinh tế; vấn đề phát triển con người và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam; và thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: Chương 1 hệ thống hóa một cách khái quát các vấn đề lý thuyết về tăng trưởng, phát triển, phát triển bền vững, cũng như các chỉ số đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế; Chương 2 nhằm giúp cho người học nhận biết được vai trò của các nguồn lực cơ bản; Chương 3 nhằm khái quát hóa chỉ số phát triển con người; chương 4 giúp người học có thể nhận biết được các chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia; chương 5 trình bày vai trò của thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. Trên cơ sở đó, phân tích đánh giá thực trạng thương mại quốc tế của Việt Nam và những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững; cũng như quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển thương mại quốc tế ở Việt nam trong bối cảnh mới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

11. Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng dành cho dữ liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp. Người học có khả năng sử dụng nhiều dạng mô hình định lượng đối với bộ dữ liệu mình đang có, trên cơ sở đó rút ra được mô hình nào là tối ưu nhất, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu nhất. Người học có khả năng sử dụng các phần mềm quen thuộc dành cho phân tích dữ liệu như: SPSS, AMOS, Eview, Stata, Rstudio. Từ việc nắm vững các công cụ phân tích dữ liệu người học có được sự tự tin và tự định trong các vấn đề nghiên cứu của mình, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm với chính mình và nhóm làm việc.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chương trình đào tạo cao học thuộc khối ngành Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, Marketing theo định hướng nghiên cứu cũng như ứng dụng. Các nội dung của học phần này tập trung vào hai nhóm dữ liệu thường gặp trong nghiên cứu kinh tế:

- Đối với dữ liệu sơ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật kiểm định thang đo, phân tích nhân tố, mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình cấu trúc tuyến tính.

- Đối với dữ liệu thứ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật dành cho dữ liệu chuỗi thời gian, dữ liệu bảng và các kiểm định cần thiết cho các dữ liệu dạng này

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

12. Chuyên đề thực tế 1 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp cho người học vận dụng sáng tạo, chủ động kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý để giải quyết những tình huống trong quản lý kinh tế. Đánh giá được những vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế để đề xuất các giải pháp, đưa ra các lựa chọn đầu tư, cải tiến hiệu quả hoạt động quản lý kinh tế trong từng tình huống cụ thể.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này giúp người học hiểu được các vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế nhằm giúp học viên củng cố kiến thức lý thuyết, bổ sung thêm những kiến thức thực tiễn. Chuyên đề thực tế 1 là học phần nghiên cứu thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên, không học trực tiếp trên lớp. Học viên tiếp cận hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các tình huống trong lĩnh vực Quản lý kinh tế cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

13. Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần này trang bị cho người học những nội dung cơ bản về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương và vận dụng các kiến thức thực tiễn quản lý sự liên kết vùng và phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương. Đây là nền tảng để người học có thể hoạch định chính sách, chiến lược về liên kết các vùng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng và địa phương. Học viên viên sau khi hoàn thành học phần có thể vận dụng để quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế vùng, địa phương cụ thể.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này nghiên cứu những kiến thức cơ bản về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng, các địa phương thông qua cơ sở

lý thuyết, các công cụ và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển kinh tế vùng, địa phương. Trên cơ sở đó, học viên sẽ vận dụng được lý thuyết, tiếp cận các phương pháp và các công cụ để phân tích, đánh giá sự liên kết kinh tế, các mô hình kinh tế vùng, địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(A), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

14. Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần "Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công" hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về chiến lược, quy trình và công nghệ trong chuyển đổi số của khu vực công, phân tích đánh giá được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các khía cạnh quản lý dự án số, quản lý thay đổi và triển khai các giải pháp công nghệ trong cơ quan nhà nước. Từ đó người học có thể đưa ra các quyết định phù hợp liên quan đến hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả các dự án chuyển đổi số trong khu vực công.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý quá trình chuyển đổi số trong các tổ chức khu vực công, từ hoạch định chiến lược đến triển khai thực thi. Học viên được trang bị các công cụ, phương pháp và kỹ năng cần thiết để lãnh đạo và quản lý hiệu quả các dự án chuyển đổi số trong bối cảnh đặc thù của khu vực công..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

15. Mô hình kinh tế mới

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức nền tảng để người học nắm bắt được các xu hướng chuyển đổi vĩ mô và toàn cầu tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có các chuẩn bị tương ứng cho doanh nghiệp nhằm chuyển đổi từng phần và toàn bộ doanh nghiệp theo mô hình mới. Học phần phù hợp với các lãnh đạo doanh nghiệp, quản lý cấp trung, lãnh đạo quản lý nhà nước, tư vấn xây dựng chính sách và chiến lược.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học kiến thức và góc nhìn tổng quát về các mô hình kinh tế truyền thống và mô hình kinh tế mới nổi, trong đó các quốc gia và doanh nghiệp có xu hướng chuyển đổi theo nhằm phù hợp với xu hướng mới và nhờ đó gia tăng sự thích ứng, tăng năng lực cạnh tranh trong kinh doanh. Đầu tiên, kiến thức nền của học phần là một số mô hình kinh tế truyền thống tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp từ 1.0 đến 4.0. Sau đó, trọng tâm của học phần là các mô hình kinh tế mới nổi trong những năm gần đây như Kinh tế tuần hoàn, Kinh tế xanh, Kinh tế số, Kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Tương ứng với mỗi mô hình kinh tế mới

nổi là một nghiên cứu tình huống, trong đó chỉ ra cách thức mà Doanh nghiệp-Tổ chức chuyển đổi theo mô hình mới nhằm gia tăng khả năng thích ứng với biến đổi bất định và nhờ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6 (M), PLO7(M), PLO8(M), PLO 9(M), PLO10(M).

16. Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về lý thuyết và mô hình ra quyết định quản lý, mô hình ra quyết định quản lý, từ đó áp dụng vào thực tiễn công việc. Ngoài ra, học người học còn được trang bị kỹ năng phân tích và đánh giá các quyết định quản lý dựa trên dữ liệu và thông tin thực tế giúp người học hiểu rõ các chiến lược và phương pháp quản lý sự thay đổi, bao gồm cách đối phó với sự kháng cự và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần "Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công" tập trung vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả trong khu vực công. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết và mô hình ra quyết định quản lý, các phương pháp phân tích và đánh giá quyết định, cũng như các chiến lược quản lý sự thay đổi. Người học sẽ được học cách áp dụng các mô hình này vào thực tiễn, từ việc xác định vấn đề, thu thập và phân tích dữ liệu, đến việc đưa ra và thực hiện các quyết định quản lý. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các thách thức và cơ hội trong việc quản lý sự thay đổi trong khu vực công, bao gồm việc đối phó với sự kháng cự, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, và đảm bảo tính bền vững của các thay đổi. Học phần này nhằm trang bị cho người học những công cụ và kiến thức cần thiết để trở thành những nhà quản lý hiệu quả trong khu vực công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(R), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

17. Chuyên đề thực tế 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu chung của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp cho người học vận dụng sáng tạo, chủ động kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý để giải quyết những tình huống trong quản lý kinh tế. Đánh giá được những vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế để đề xuất các giải pháp, đưa ra các lựa chọn đầu tư, cải tiến hiệu quả hoạt động quản lý kinh tế trong từng tình huống cụ thể.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp người học hiểu được các vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế nhằm giúp học viên củng cố kiến thức lý thuyết, bổ sung thêm những kiến thức thực tiễn. Chuyên đề thực tế 2 là học phần nghiên

cứu thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên, không học trực tiếp trên lớp. Học viên tiếp cận hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các tình huống trong lĩnh vực Quản lý kinh tế cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

18. Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu chung: Học phần cung cấp các kiến thức hàn lâm và chuyên nghiệp đảm bảo Học viên nắm chắc khung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, và các căn cứ pháp lý đi kèm, các nguyên tắc và tiêu chí thẩm định căn bản và có khả năng viết Báo cáo thẩm định dự án.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên nghiệp về các hoạt động Lập, Phân tích và Thẩm định dự án đầu tư công trong môi trường pháp lý và kinh tế Việt Nam. Bắt đầu bằng các phân tích thị trường, công nghệ-kỹ thuật, xây dựng tổng mức đầu tư, các lý luận về lựa chọn các đầu vào cho quá trình phân tích công nghệ-kỹ thuật, ước tính chi phí vận hành để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công (Detailed Feasibility Study – DFS). Tiếp theo là phần Thẩm định dự án với các phần thẩm định chi tiết về pháp lý, thị trường, công nghệ-kỹ thuật, tài chính và các tiêu chí thẩm định phi tài chính nhằm đảm bảo gia tăng khả năng đầu tư thành công dự án.

❖ Đáp ứng Chuẩn đầu ra của học phần: PLO1(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

19. Quản lý dự án đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng tổng quan về quản lý dự án, các khối kiến thức tổng quan và toàn diện về 9 mảng quản lý chuyên ngành từ quản lý phạm vi, tích hợp, chi phí-chất lượng-tiến độ, rủi ro-thông tin-nhân lực và các bên tham gia dự án. Tiếp theo là các kiến thức chuyên sâu và thực tiễn trong điều kiện Việt Nam mà giám đốc và các cán bộ thực hiện dự án cần nắm chắc bao gồm: Quản lý thiết kế, Quản lý chi phí (Dự toán, Đấu thầu, Hợp đồng), Quản lý thông tin – nhân sự dự án, Quản lý giám sát chất lượng thi công-nhà thầu, Quản lý Tích hợp bộ ba tiến độ-chi phí-chất lượng. Học phần cũng đi sâu vào một số kỹ năng lãnh đạo và quản lý cần thiết cho giám đốc dự án.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý toàn diện dự án đầu tư công từ chiến lược phát triển dự án, khởi tạo dự án, quản lý công tác tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu và thực hiện giám sát, hoàn công dự án đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A),

PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO8(A), PLO9(M), PLO10(M).

20. Pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng các nguyên tắc áp dụng luật pháp Việt Nam nói chung và trong đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng. Tiếp theo là các luật và văn bản dưới luật tương ứng với quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản như luật đầu tư công, luật ngân sách, luật xây dựng, luật đấu thầu, luật liên quan đến hợp đồng trong lập dự án và thực hiện đầu tư xây dựng...vv. Học viên cần đảm bảo nắm chắc các nguyên tắc chung trong áp dụng các luật trên trong bối cảnh quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, có khả năng lựa chọn các điều khoản cụ thể và phù hợp có thể áp dụng được cho dự án trong thực tiễn.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các luật và văn bản dưới luật được hệ thống hóa theo tiến trình đầu tư xây dựng cơ bản bắt đầu từ khởi tạo dự án, lập, phân tích, thẩm định, ra quyết định đầu tư, thiết kế chi tiết, lập tổng dự toán, phân chia gói thầu, đấu thầu, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán hợp đồng

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

21. Quản lý mua sắm và hợp đồng Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng các kiến thức về các nguyên tắc cạnh tranh và bất cân xứng thông tin trong quản lý làm nền tảng cho công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng trong dự án. Tiếp theo là luật đấu thầu, hồ sơ mời thầu, mua sắm cạnh tranh và luật, văn bản dưới luật liên quan đến hợp đồng trong dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Ngoài ra, học phần này cung cấp các nguyên lý kinh tế có liên quan đến đấu thầu cạnh tranh và bất cân xứng thông tin trong thực hiện hợp đồng, giúp xây dựng một hợp đồng bình đẳng (tối ưu) trong quản lý dự án đầu tư.

▪ + Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nguyên lý mua sắm và đấu thầu, nguyên tắc kinh tế trong xây dựng hợp đồng cũng như luật đấu thầu và luật liên quan đến quản lý các loại hợp đồng trong dự án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

22. Đề án tốt nghiệp Tín chỉ: 9

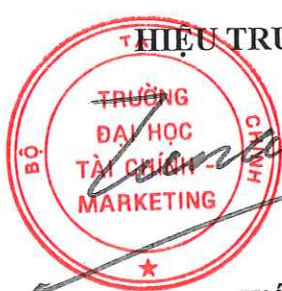
❖ Điều kiện tiên quyết: theo quy định thực hiện Đề án tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần: Toàn bộ nội dung chương trình

▪ Mục tiêu chung của học phần: Học phần này giúp người học hệ thống hoá kiến thức về kinh tế và quản lý kinh tế, vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết một vấn đề trong thực tiễn theo cách tiếp cận của phương pháp khoa học; hoặc phân tích các tình huống xảy ra trong thực tiễn và đề xuất giải pháp.

▪ Tóm tắt nội dung: Luận văn tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế nhằm giúp người học củng cố những kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M)/.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

TRƯỞNG KHOA KINH TẾ - LUẬT


Trần Ngọc Phương

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật	2018	Triết học
2	Triết học (Chương trình sau đại học)	Trường ĐH Tài chính - Marketing	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2015	Triết học
3	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
4	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức	2017	Triết học
5	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học,	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2022	Phương pháp NCKH
6	Kinh tế khu vực công	Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard	Norton & Co	2015	Kinh tế học khu vực công
7	Giáo trình Phân tích và Dự báo trong kinh tế	Nguyễn Văn Huân – Phạm Việt Bình	Khoa học và Kỹ thuật	2021	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
8	Giáo trình Quản lý mua sắm công,	Lê Chi Mai	Tài chính	2018	Quản lý đầu tư công và tài sản công
9	Quản lý tài sản công,	Trần Văn Giao	Thanh niên	2021	Quản lý đầu tư công và tài sản công
10	Principles of Management. fifteen Edition.	Stephen P. Robbins & Mary Coulter.	Pearson Publishing	2019.	Khoa học quản lý
11	Valuation: principles into practice	Hayward, R. (Ed.)	Taylor & Francis	2014	Thẩm định giá tài sản công

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
12	Public Finance and Public Policy (Seventh Edition).	Jonathan Gruber	Macmillan Press, ISBN: 9781319281106.	2022	Tài chính công nâng cao (*)
13	Giáo trình Marketing địa phương	Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Ngọc Hạnh (đồng chủ biên)	Tài chính	2025	Marketing địa phương
14	Kinh tế phát triển cơ bản và nâng cao,	Đinh Phi Hồ (chủ biên), Nguyễn Văn Phương	Kinh tế Tp.HCM	2015	Kinh tế phát triển cơ bản và nâng cao
15	Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research	(Mansor Ibrahim, Tika Arundina (2022),	National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS), Indonesia.	2022	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)
16	Quản trị địa phương từ lý thuyết đến thực tiễn	Nguyễn Thị Phương.	Nxb. Khoa học Xã hội.	2018	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
17	OECD Digital Government Studies	OECD	OECD Publishing.	2024	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
18	Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế	Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm.	Tài chính	2020	Mô hình kinh tế mới
19	Making sense of change management: A complete guide to the models, tools and techniques of organizational change.	(Cameron, E., & Green, M.	Kogan Page Publishers	2019	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
20	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cần	Giáo dục	2017	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư
21	Quản lý tài sản công,	Trần Văn	Thanh niên	2021	Quản lý dự án

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Giao			đầu tư công
22	Luật đầu tư Công 2019 và các Nghị định thông tư dưới Luật đầu tư công	Quốc hội 14	Chính trị quốc gia	2019	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản
23	Contract Design: The problem of information asymmetry	Mühlbacher AC & các tác giả	Int J Integr Care	2018	Quản lý mua sắm và hợp đồng

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dừng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
2	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức	2017	Triết học
3	Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh,	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	Phương pháp NCKH
4	Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn	Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	Phương pháp NCKH
5	Giáo trình kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2024	Phương pháp NCKH
6	The Digital Transformation Playbook: Rethink Your Business for the Digital Age,	David L. Rogers	Columbia Business School Publishing.	2016	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
7	Kinh tế phát triển	Vòng Thịnh Nam	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
8	Sustainable Marketing: The Industry's Role in a Sustainable Future.	Randle, P., & Eyre, A.	Kogan Page.	2024	Marketing bền vững
9	Kinh tế khu vực công	Trần Anh Tuấn Nguyễn Hữu	Chính trị quốc gia	2015	Kinh tế khu vực công

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Giao			đầu tư công
22	Luật đầu tư Công 2019 và các Nghị định thông tư dưới Luật đầu tư công	Quốc hội 14	Chính trị quốc gia	2019	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản
23	Contract Design: The problem of information asymmetry	Mühlbacher AC & các tác giả	Int J Integr Care	2018	Quản lý mua sắm và hợp đồng

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
2	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức	2017	Triết học
3	Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh,	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	Phương pháp NCKH
4	Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn	Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	Phương pháp NCKH
5	Giáo trình kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2024	Phương pháp NCKH
6	The Digital Transformation Playbook: Rethink Your Business for the Digital Age,	David L. Rogers	Columbia Business School Publishing.	2016	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
7	Kinh tế phát triển	Vòng Thành Nam	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
8	Sustainable Marketing: The Industry's Role in a Sustainable Future.	Randle, P., & Eyre, A.	Kogan Page.	2024	Marketing bền vững
9	Kinh tế khu vực công	Trần Anh Tuấn Nguyễn Hữu	Chính trị quốc gia	2015	Kinh tế khu vực công

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Hải			
10	Bank Management & Financial Services. Seventh Edition.	Peter S.Rose and Syvia C.Hudgins. 2019.	McGrall Hill International Edition	2019	Mô hình kinh tế mới
11	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế,	Phạm Thị Hồng Điệp. 2024.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2024	Khoa học quản lý
12	Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính	Nguyễn Trọng Hoài	Thống kê	2009	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
13	Giáo trình Quản lý tài chính công	Bùi Tiến Hanh	Tài chính	2016	Quản lý đầu tư công và tài sản công
14	Public finance (10th ed.).	Rosen, H. S., & Gayer, T.	McGraw-Hill Education	2014	Tài chính công nâng cao
15	Multiple Criteria Decision-Making Methods: Applications for Managerial Discretion (Vol. 14).	Anand, A., Agarwal, M., & Aggrawal, D. (2022).	Walter de Gruyter GmbH & Co KG	2022	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
16	Marketing Management (15th Global ed.).	Kotler, P., & Keller, K	Pearson Education Limited	2016	Marketing địa phương.

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
2	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
3	Nguyễn Huy Hoàng		Tiến sĩ, Việt Nam	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học
4	Ngô Sĩ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	Mô hình kinh tế mới
5	Bảo Trung		Tiến sĩ,	Quản trị	Marketing địa phương

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			Việt Nam, 2010	kinh doanh	
6	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	Kinh tế học khu vực công
7	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022	Quản lý kinh tế	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
8	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	Quản lý đầu tư công và tài sản công
9	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Khoa học quản lý
10	Nguyễn Thanh Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	Thẩm định giá tài sản công
11	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
12	Lê Quốc Thành		Tiến sĩ, Pháp 2022	Kinh tế và Quản trị	Mô hình Kinh tế mới
13	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
14	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao
15	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển nâng cao
16	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
17	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư
18	Nguyễn Huy Khang		Việt Nam, 2017	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý dự án đầu tư công
19	Nguyễn Đức Hải		Tiến sĩ Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
20	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Việt Nam, 2012	Kinh tế	Quản lý mua sắm và hợp đồng

4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm bổ nhiệm	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Ghi chú
1	Ngô Sỹ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2014	Quản lý kinh tế	
2	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	
3	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022	Quản lý kinh tế	
4	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	
5	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	
6	Nguyễn Thanh Hùng		Tiến sĩ, 2015	Quản lý kinh tế	
7	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế	
8	Đoàn Ngọc Phúc		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	
9	Phạm Ngọc Dưỡng		Tiến sĩ, 2013	Kinh tế học	
10	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, 2016	Kinh tế học	
11	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2018	Kinh tế học	
12	Tô Anh Thơ		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế học	
13	Nguyễn Thanh Vượng		Tiến sĩ, 2016	Kinh tế phát triển	
14	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, 2013	Luật học	
15	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	
16	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	
17	Bùi Thanh Tùng		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế chính trị	

5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Thư ký Khoa	Khoa Kinh tế - Luật		
2	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện đào tạo sau đại học		

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện đào tạo sau đại học		
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện đào tạo sau đại học		
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyễn	Chuyên viên	Viện đào tạo Sau đại học		

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sự của Trường

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sự
mang của Trường**

[illegible]

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế với chương trình đào tạo của các trường Đại học kinh tế quốc dân

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
I	Kiến thức chung			I	Kiến thức cơ bản		
					<i>Các học phần bắt buộc</i>		
						4	
1	Triết học	4		1	Triết học		
						3	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		2	Phương pháp nghiên cứu		
					<i>Các học phần tự chọn</i>		
				3	Kinh tế vi mô nâng cao	3	
				4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	
				5	Quản trị học nâng cao	3	
				6	Thống kê ứng dụng	3	
				7	Kinh tế lượng ứng dụng	3	
				8	Tiếng Anh kinh tế - Kinh doanh	3	
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			II	Kiến thức ngành		
2.1	Kiến thức bắt buộc				<i>Các học phần bắt buộc</i>		
3	Kinh tế học khu vực công	3		9	Lý thuyết quản lý	3	
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		10	Lý thuyết quản lý Nhà nước	3	
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3					
6	Khoa học quản lý	3					
7	Thẩm định giá tài sản công	3					
8	Tài chính công nâng cao (*)	3					
9	Marketing địa phương	3					
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	3					
11	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	3					
12	Chuyên đề nghiên cứu 1	3					

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
					Các học phần tự chọn		
					<i>Nhóm 1: công cụ trong nghiên cứu quản lý (chọn 1 học phần)</i>		
				11	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	
				12	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	
					<i>Nhóm 2: môi trường quản lý (chọn 1 học phần)</i>		
				13	Môi trường và biến đổi khí hậu	3	
				14	Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa	3	
				15	Phát triển bền vững	3	
				16	Thể chế và phát triển	3	
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn				Kiến thức chuyên ngành		
					Các học phần bắt buộc		
				17	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	
				18	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	
a	<i>Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững</i>				Các học phần tự chọn (chọn 2 trong tổng hợp 6 học phần)		
13	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	3		19	Phát triển vùng và địa phương	3	
14	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	3		20	Quản lý dự án	3	
15	Mô hình kinh tế mới	3		21	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	3	
16	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	3		22	Quản lý sự thay đổi	3	
17	Chuyên đề nghiên cứu 2			23	Quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội	3	
				24	Quản lý khủng hoảng	3	
b	<i>Định hướng quản lý dự án</i>						
18	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3					
19	Quản lý dự án đầu tư công	3					

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
20	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	3					
21	Quản lý mua sắm và hợp đồng	3					
22	Chuyên đề nghiên cứu 2	3					
III	Tốt nghiệp			III	Chuyên đề nghiên cứu và luận văn tốt nghiệp		
				25	Chuyên đề nghiên cứu 1	4	
				26	Chuyên đề nghiên cứu 2	8	
23	Đề án tốt nghiệp	9		27	Luận văn tốt nghiệp	12	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Định hướng nghiên cứu

Năm 2024

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
3. THÔNG TIN CHUNG	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)	3
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ	4
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	4
8. TUYỂN SINH:.....	5
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:	7
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	7
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT	9
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	10
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	12
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....	14
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....	25
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy	25
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác.....	27
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	28
4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn tốt nghiệp	29
5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng	30
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....	30
E. PHỤ LỤC.....	31
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	31
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	31
Phụ lục 3: Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế với chương trình đào tạo của các trường Đại học kinh tế quốc dân.....	32

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3524**/QĐ-ĐHTCM ngày **20** tháng **12** năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng lần đầu tiên năm 2024. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Chủ trì ngành/quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản lý kinh tế

3.2. Trình độ: thạc sĩ

3.3. Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.5. Mã ngành đào tạo: 8310110

3.6. Thời gian đào tạo: 2 năm. Thời gian học tập tối đa: 4 năm

3.7. Loại hình đào tạo: chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.9. Khoa quản lý: Kinh tế - Luật

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website:

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế hướng ứng dụng - Đại học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học kinh tế quốc dân.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Học viện Tài chính.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Phenikaa

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3.14. Năm rà soát, cập nhật: 2024

3.15. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau đây:

- Cán bộ quản lý hoạt động kinh tế ở các đơn vị công.

- Chuyên gia phân tích chính sách trong các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương, các tổ chức tư vấn về chính sách và các tổ chức kinh tế - xã hội.

- Các nhà nghiên cứu, các giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm giúp cho học viên nâng cao kiến thức quản lý kinh tế, có khả năng làm chủ được kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- **PO1:** Cung cấp kiến thức mới theo hướng chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế, có thể đảm nhiệm công việc với vai trò là một chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PO2:** Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn của các cơ quan quản lý nhà nước trong môi trường toàn cầu hóa.

❖ Về kỹ năng:

- **PO3:** Kỹ năng cần thiết về quản lý kinh tế như kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

- **PO4:** Kỹ năng tư duy, phản biện, nghiên cứu độc lập, tổng hợp, cập nhật kiến thức, phân tích và phản biện các chính sách hiện hành.

- **PO5:** Kỹ năng đánh giá, phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- **PO6:** Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, đối tượng quản lý đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác, đối tượng quản lý.

- **PO7:** Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ Về kiến thức:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý, sáng tạo, chủ động trong giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- **PLO2:** Tổng hợp kiến thức một cách có chọn lọc, phân tích tác động chính sách kinh tế đến thực tiễn hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.

- **PLO3:** Đánh giá chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, về quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.

- **PLO4:** Lập luận, phân tích các vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PLO5:** Hoạch định, lập được kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

- **PLO6:** Vận dụng thành thạo các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích của ngành kinh tế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý.

- **PLO7:** Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PLO8:** Phân tích đánh giá được các hoạt động quản lý kinh tế.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- **PLO9:** Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- **PLO10:** Thích nghi, tự định hướng, tôn trọng đạo đức và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến chung	7	11,5
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	45	73,8
3	Tốt nghiệp	9	14,7
	Tổng	61	100

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

7.1. Quy trình đào tạo:

- Quy trình đào tạo được Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo:

- Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế được tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:

a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bằng điểm

Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH:

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế.

8.2. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Kinh tế học;

+ Quản trị học.

8.3. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học Ngành Quản lý kinh tế.

- Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với Ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với Ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

b) *Yêu cầu thâm niên công tác*: Không

c) *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ*:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần:

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính – Marketing với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học các chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên, được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường, với số tín chỉ không vượt quá 15. (Các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

8.5.1. Ngành đúng, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Quản lý kinh tế.

b) Ngành gần: là các ngành đào tạo ở cùng nhóm ngành với Ngành Quản lý kinh tế theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Ngành khác: là các ngành không phải ngành đúng không phải ngành gần nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo, theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

8.5.2. Danh sách các học phần học bổ sung đối với ngành gần và ngành khác

❖ *Ngành gần*: bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ, cụ thể:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2

STT	Môn học	Số tín chỉ
2	Kinh tế học	3
Tổng		8

❖ *Ngành khác:* bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẬP

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				7		
1	S_MEM01	Triết học	Philosophy	4		
2	S_MEM31	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research methods	3	3	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				45		
2.1	Kiến thức bắt buộc			30		
3	S_MEM32	Kinh tế học khu vực công	Public economics	3		
4	S_MEM33	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	Economic analysis, forecasting and monitoring	3		
5	S_MEM34	Quản lý đầu tư công và tài sản công	Public investment and assets managemen	3		
6	S_MEM35	Khoa học quản lý	Management	3		
7	S_MEM36	Thẩm định giá tài sản công	Public assets appraisal	3		
8	S_MEM37	Tài chính công nâng cao (*)	Advanced public finance	3		
9	S_MEM38	Marketing địa phương	Local marketing	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
10	S_MEM39	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	Advanced development economics	3		
11	S_MEM40	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	Advanced business data analytics	3		
12	S_MEM41	Nghiên cứu tình huống	Case study	3		3
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn:			15		3
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 HP)						
A	Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững					
13	S_MEM43	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	Management of linkages and economic development of regions, localities.	3		
14	S_MEM44	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	Managing digital transformation in the public sector	3		
15	S_MEM45	Mô hình kinh tế mới	New economic models	3		
16	S_MEM46	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	Decision-making model and change management in the public sector	3		
B	Định hướng Quản lý dự án					
17	S_MEM47	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Project formation and appraisal	3		
18	S_MEM48	Quản lý dự án đầu tư công		3		
19	S_MEM49	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	Laws in construction project management	3		
20	S_MEM50	Quản lý mua sắm và hợp đồng	Project procurement and contract management	3		
3. Tốt nghiệp				9		
21	S_MEM52	Luận văn tốt nghiệp	Master of graduationThesis	12		
	Tổng số tín chỉ khóa học			61		6

11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I	Kiến thức chung										
1	Triết học	R				R					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	R				R					
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1	Kiến thức bắt buộc										
3	Kinh tế học khu vực công	M		R	R			M	M	R	
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế		M	M	M		M	M	M	M	M
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công		M	M	M		M	M	M	M	M
6	Khoa học quản lý		M	M	M		M	M	M	M	M
7	Thẩm định giá tài sản công	M	M	A	M		M	A	M	M	M
8	Tài chính công nâng cao (*)	M	A	M	M	A	M		A	M	M
9	Marketing địa phương	M	M	A	M			M	M	M	
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	R	R	M	R	R	M	M	R	M	M
11	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	M		R	R			M	M	R	
12	Nghiên cứu tình huống	M	M	A	M			M	M	M	
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn										
<i>a</i>	<i>Định hướng Quản lý kinh tế số - bền vững</i>										
13	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	A	R	M	M			M	M	M	
14	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	M	R	R	M			R	M	M	
15	Mô hình kinh tế mới		M	M	M		M	M	M	M	M
16	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	M	M	R	M	M		M	M	M	
<i>b</i>	<i>Định hướng quản lý dự án</i>				M			R	R		R
17	Lập Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	R		R	M		M	M	M	M	
18	Quản lý dự án đầu tư công	M	A	M	M	A	M		A	M	M
19	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	M			M			R	M	R	
20	Quản lý mua sắm và hợp đồng	M			M			R	M	R	
III	Tốt nghiệp										
21	Luận văn tốt nghiệp	M	A	A	A	M	M	A	M	A	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/đàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người

học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ **Thực hành:**

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ **Hướng dẫn tự học:**

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ **Tự học:**

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- **Trong trường hợp Tự học theo nhóm:**

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện vấn đề marketing của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết,

các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá vấn đề marketing thực tiễn để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề marketing trong thực tiễn.

12.4 Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing, ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết:

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành:

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận	X	X	X	X	X		X			
2.2 Bài thi trắc nghiệm	X	X	X							
2.3 Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP										
Bài Báo cáo khóa luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo Báo cáo thực tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo:**Năm 1**

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
3	Kinh tế học khu vực công	3		
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3		
6	Khoa học quản lý	3		
7	Thẩm định giá tài sản công	3		
8	Tài chính công nâng cao (*)	3		
9	Marketing địa phương	3		
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	3		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	
2	Nghiên cứu tình huống	3		
	<i>Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững</i>			
3	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	3		
4	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	3		
5	Mô hình kinh tế mới	3		
6	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	3		
	<i>Định hướng quản lý dự án</i>			
3	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3		
4	Quản lý dự án đầu tư công	3		
5	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	3		
6	Quản lý mua sắm và hợp đồng	3		
	Tốt nghiệp			
7	Đề án tốt nghiệp	9		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**1. Triết học Tín chỉ: 4**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- Mục tiêu của học phần: Củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và Marketing nói riêng; giúp người học nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Học viên có kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cụ thể lĩnh vực marketing phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Tóm tắt nội dung: Học phần còn trang bị cho người học thể giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính và Quản trị kinh doanh.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền tảng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

3. Kinh tế khu vực công

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần này trang bị cho người học kiến thức về vai trò và chức năng của khu vực công trong nền kinh tế thị trường; giúp người học nắm vững các mô hình cung cấp dịch vụ công, phân phối nguồn lực công và công cụ tài chính

công; phân tích và đánh giá được các chính sách công, đặc biệt trong các lĩnh vực ngân sách, thuế và cải cách khu vực công; vận dụng các phương pháp phân tích định lượng, chi phí-lợi ích trong đánh giá và thiết kế chính sách công; phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định chính sách trong lĩnh vực khu vực công.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về kinh tế học của khu vực công, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường bao gồm vai trò phân bổ lại nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, vai trò phân bổ lại thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, các công cụ và cách thức thực hiện chính sách công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

4. Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên các kiến thức về nguyên lý, quy trình, phương pháp, các phương pháp phân tích, các mô hình dự báo, giám sát kinh tế. Học viên nâng cao khả năng sử dụng các công cụ phân tích, dự báo và giám sát kinh tế nhằm vận dụng kết quả phân tích trong việc hỗ trợ ra quyết định kinh tế và chính sách kinh tế trong từng trường hợp cụ thể. Người học thực hành độc lập và theo nhóm trong việc xử lý các tình huống kinh tế phức tạp.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế cung cấp kiến thức và kỹ năng phân tích kinh tế, dữ liệu kinh tế, dự báo xu hướng và giám sát kinh tế trong bối cảnh hội nhập và biến đổi toàn cầu hóa. Học viên sẽ tiếp cận các công cụ và phương pháp phân tích kinh tế hiện đại, bao gồm các phương pháp phân tích kinh tế, các mô hình dự báo và hệ thống chỉ báo giám sát kinh tế. Học viên vận dụng các phương pháp phân tích, dự báo và giám sát kinh tế vào những tình huống cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

5. Quản lý đầu tư công và tài sản công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý đầu tư công và tài sản công; Hiểu rõ quy trình quản lý tài sản công, mua sắm tài sản công, đầu tư công và quản lý nợ công; từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đầu tư công và tài sản công.

▪ Tóm tắt nội dung: Quản lý đầu tư công và tài sản công là học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về những vấn đề quản lý tài sản công và quản lý đầu tư công. Nội

dung học phần bao gồm tổng quan về quản lý tài sản công; quản lý mua sắm tài sản công, lựa chọn nhà thầu, quản lý đầu tư công và quản lý nợ công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

6. Khoa học quản lý

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn giúp người học hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, bình luận về những vấn đề liên quan đến môn học. Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành công cụ khoa học và sáng tạo nghệ thuật trong quản lý ở cấp độ cơ quan, tổ chức

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cho người học với những nội dung cơ bản: (1) Lịch sử phát triển các tư tưởng quản lý (2) Chức năng quản lý (3) Cơ cấu tổ chức quản lý; (4) Quy luật quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý; (5) Lao động quản lý; (6) Cán bộ quản lý; (7) Thông tin quản lý; (8) Quyết định quản lý. Ngoài ra, Học phần còn sử dụng nhiều tình huống thực tiễn về hoạt động quản lý trong các cơ quan, tổ chức nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động quản lý với sự phát triển của cơ quan, tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

7. Thẩm định giá tài sản công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về thẩm định giá tài sản công thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá. Bên cạnh cung cấp kiến thức về khung pháp lý cho hoạt động thẩm định giá tài sản công, học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng vận dụng các phương pháp thẩm định giá tài sản theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam hiện hành. Học phần hướng tới rèn luyện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ham học, cầu tiến để tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, nâng cao trình độ cho người học.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần có các nội dung chính: (1) Tổng quan về tài sản công và thẩm định giá tài sản công, (2) Cơ sở giá trị và phạm vi công việc thẩm định giá, (3) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ thị trường, (4) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ chi phí, (5) Thẩm định giá tài sản theo tiếp cận từ thu nhập, (6) Hồ sơ thẩm định giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

8. Tài chính công năng cao**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung

▪ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công, bao gồm thuế, chi tiêu công, và nợ công. Hiểu rõ các công cụ tài chính công và chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Phân tích, đánh giá hiệu quả các chính sách tài chính công trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách tài chính công dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Rèn luyện tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết các thách thức tài chính công.

▪ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tài chính công năng cao nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính công trong quản trị nhà nước hiện đại. Nội dung học phần bao gồm phân tích hệ thống thuế và chi tiêu công, các chiến lược quản lý nợ công bền vững, và các mô hình cải cách tài chính công. Đặc biệt, học phần tập trung vào vai trò và các công cụ của tài chính công trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO8(A), PLO9(M), PLO10(M).

9. Marketing địa phương**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần giúp củng cố và phát triển các kiến thức, kỹ năng của học viên trong việc xây dựng chiến lược marketing địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút nguồn lực phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế địa phương. Học phần này cũng giúp học viên phát triển năng lực và khả năng ra quyết định marketing liên quan đến chiến lược phát triển của địa phương.

▪ Tóm tắt nội dung: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức tổng quát về marketing địa phương, bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, chủ thể thực hiện marketing địa phương; quy trình thực hiện chiến lược marketing địa phương, các chiến lược marketing hướng tới các đối tượng khách hàng mục tiêu của địa phương cũng như các chiến lược tạo dựng hình ảnh địa phương, xây dựng thương hiệu địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

10. Kinh tế phát triển năng cao**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này giúp học viên nắm bắt và vận dụng sáng tạo được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu, những kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý và thái độ, nhận thức với vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh mới một cách hiệu quả, đặc biệt ở các khu vực nền kinh tế mới nổi như Việt Nam.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế phát triển, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ quan, đơn vị và địa phương trong thực tiễn. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; các động lực phát triển kinh tế; vấn đề phát triển con người và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam; và thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: chương 1 hệ thống hóa một cách khái quát các vấn đề lý thuyết về tăng trưởng, phát triển, phát triển bền vững, cũng như các chỉ số đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế; chương 2 nhằm giúp cho người học nhận biết được vai trò của các nguồn lực cơ bản; Chương 3 nhằm khái quát hóa chỉ số phát triển con người; chương 4 giúp người học có thể nhận biết được các chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia; chương 5 trình bày vai trò của thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. Trên cơ sở đó, phân tích đánh giá thực trạng thương mại quốc tế của Việt Nam và những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững; cũng như quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển thương mại quốc tế ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

11. Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng dành cho dữ liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp. Người học có khả năng sử dụng nhiều dạng mô hình định lượng đối với bộ dữ liệu mình đang có, trên cơ sở đó rút ra được mô hình nào là tối ưu nhất, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu nhất. Người học có khả năng sử dụng các phần mềm quen thuộc dành cho phân tích dữ liệu như: SPSS, AMOS, Eview, Stata, Rstudio. Từ việc nắm vững các công cụ phân tích dữ liệu người học có được sự tự tin và tự định trong các vấn đề nghiên cứu của mình, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm với chính mình và nhóm làm việc.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chương trình đào tạo cao học thuộc khối ngành Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, Marketing theo định hướng nghiên cứu cũng như ứng dụng. Các nội dung của học phần này tập trung vào hai nhóm dữ liệu thường gặp trong nghiên cứu kinh tế:

- Đối với dữ liệu sơ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật kiểm định thang đo,

phân tích nhân tố, mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình cấu trúc tuyến tính.

- Đối với dữ liệu thứ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật dành cho dữ liệu chuỗi thời gian, dữ liệu bảng và các kiểm định cần thiết cho các dữ liệu dạng này

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

12. Nghiên cứu tình huống

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp cho người học những tình huống cụ thể trong lĩnh vực Quản lý kinh tế nhằm giúp học viên củng cố kiến thức lý thuyết, bổ sung thêm những kiến thức thực tiễn. Nghiên cứu tình huống là học phần nghiên cứu thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên, không học trực tiếp trên lớp. Học viên tiếp cận tình huống thực tiễn, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các tình huống cụ thể trong Quản lý kinh tế.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần giúp người học tổng hợp một cách có chọn lọc lý thuyết kinh tế và quản lý để giải thích những tình huống thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Vận dụng sáng tạo, chủ động kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý để giải quyết những tình huống trong quản lý kinh tế. Đánh giá được những vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế để đề xuất các giải pháp, đưa ra các lựa chọn đầu tư, cải tiến hiệu quả hoạt động quản lý kinh tế trong từng tình huống cụ thể. Phát triển kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, phát hiện vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế, từ đó có khả năng đưa ra những nhận định, kiến nghị để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO4(M), PLO8(M), PLO9(M).

13. Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần này trang bị cho người học những nội dung cơ bản về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương và vận dụng các kiến thức thực tiễn quản lý sự liên kết vùng và phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương. Đây là nền tảng để người học có thể hoạch định chính sách, chiến lược về liên kết các vùng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng và địa phương. Học viên viên sau khi hoàn thành học phần có thể vận dụng để quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế vùng, địa phương cụ thể.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần này nghiên cứu những kiến thức cơ bản về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng, các địa phương thông qua cơ sở lý thuyết, các công cụ và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển kinh tế vùng, địa phương. Trên cơ sở đó, học viên sẽ vận dụng được lý thuyết, tiếp cận các phương

pháp và các công cụ để phân tích, đánh giá sự liên liết kinh tế, các mô hình kinh tế vùng, địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(A), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

14. Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần "Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công" hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về chiến lược, quy trình và công nghệ trong chuyển đổi số của khu vực công, phân tích đánh giá được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các khía cạnh quản lý dự án số, quản lý thay đổi và triển khai các giải pháp công nghệ trong cơ quan nhà nước. Từ đó người học có thể đưa ra các quyết định phù hợp liên quan đến hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả các dự án chuyển đổi số trong khu vực công.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý quá trình chuyển đổi số trong các tổ chức khu vực công, từ hoạch định chiến lược đến triển khai thực thi. Học viên được trang bị các công cụ, phương pháp và kỹ năng cần thiết để lãnh đạo và quản lý hiệu quả các dự án chuyển đổi số trong bối cảnh đặc thù của khu vực công..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

15. Mô hình kinh tế mới

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức nền tảng để người học nắm bắt được các xu hướng chuyển đổi vĩ mô và toàn cầu tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có các chuẩn bị tương ứng cho doanh nghiệp nhằm chuyển đổi từng phần và toàn bộ doanh nghiệp theo mô hình mới. Học phần phù hợp với các lãnh đạo doanh nghiệp, quản lý cấp trung, lãnh đạo quản lý nhà nước, tư vấn xây dựng chính sách và chiến lược.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học kiến thức và góc nhìn tổng quát về các mô hình kinh tế truyền thống và mô hình kinh tế mới nổi, trong đó các quốc gia và doanh nghiệp có xu hướng chuyển đổi theo nhằm phù hợp với xu hướng mới và nhờ đó gia tăng sự thích ứng, tăng năng lực cạnh tranh trong kinh doanh. Đầu tiên, kiến thức nền của học phần là một số mô hình kinh tế truyền thống tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp từ 1.0 đến 4.0. Sau đó, trọng tâm của học phần là các mô hình kinh tế mới nổi trong những năm gần đây như Kinh tế tuần hoàn, Kinh tế xanh, Kinh tế số, Kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Tương ứng với mỗi mô hình kinh tế mới nổi là một nghiên cứu tình huống, trong đó chỉ ra cách thức mà Doanh nghiệp-Tổ chức

chuyển đổi theo mô hình mới nhằm gia tăng khả năng thích ứng với biến đổi bất định và nhờ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9 (M), PLO10(M)

16. Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về lý thuyết và mô hình ra quyết định quản lý, mô hình ra quyết định quản lý, từ đó áp dụng vào thực tiễn công việc. Ngoài ra, học người học còn được trang bị kỹ năng phân tích và đánh giá các quyết định quản lý dựa trên dữ liệu và thông tin thực tế giúp người học hiểu rõ các chiến lược và phương pháp quản lý sự thay đổi, bao gồm cách đối phó với sự kháng cự và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần "Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công" tập trung vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả trong khu vực công. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết và mô hình ra quyết định quản lý, các phương pháp phân tích và đánh giá quyết định, cũng như các chiến lược quản lý sự thay đổi. Người học sẽ được học cách áp dụng các mô hình này vào thực tiễn, từ việc xác định vấn đề, thu thập và phân tích dữ liệu, đến việc đưa ra và thực hiện các quyết định quản lý. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các thách thức và cơ hội trong việc quản lý sự thay đổi trong khu vực công, bao gồm việc đối phó với sự kháng cự, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, và đảm bảo tính bền vững của các thay đổi. Học phần này nhằm trang bị cho người học những công cụ và kiến thức cần thiết để trở thành những nhà quản lý hiệu quả trong khu vực công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(R), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

17. Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu chung: Học phần cung cấp các kiến thức hàn lâm và chuyên nghiệp đảm bảo Học viên nắm chắc khung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, và các căn cứ pháp lý đi kèm, các nguyên tắc và tiêu chí thẩm định căn bản và có khả năng viết Báo cáo thẩm định dự án.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên nghiệp về các hoạt động Lập, Phân tích và Thẩm định dự án đầu tư công trong môi trường pháp lý và kinh tế Việt Nam. Bắt đầu bằng các phân tích thị trường, công nghệ-kỹ thuật, xây dựng tổng mức đầu tư, các lý luận về lựa chọn các đầu vào cho quá trình phân tích công nghệ-kỹ thuật, ước tính chi phí vận hành để lập Báo cáo nghiên cứu

khả thi dự án đầu tư công (Detailed Feasibility Study – DFS). Tiếp theo là phần Thẩm định dự án với các phần thẩm định chi tiết về pháp lý, thị trường, công nghệ-kỹ thuật, tài chính và các tiêu chí thẩm định phi tài chính nhằm đảm bảo gia tăng khả năng đầu tư thành công dự án.

❖ Đáp ứng Chuẩn đầu ra của học phần: PLO1(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

18. Quản lý dự án đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng tổng quan về quản lý dự án, các khối kiến thức tổng quan và toàn diện về 9 mảng quản lý chuyên ngành từ quản lý phạm vi, tích hợp, chi phí-chất lượng-tiến độ, rủi ro-thông tin-nhân lực và các bên tham gia dự án. Tiếp theo là các kiến thức chuyên sâu và thực tiễn trong điều kiện Việt Nam mà giám đốc và các cán bộ thực hiện dự án cần nắm chắc bao gồm: Quản lý thiết kế, Quản lý chi phí (Dự toán, Đấu thầu, Hợp đồng), Quản lý thông tin – nhân sự dự án, Quản lý giám sát chất lượng thi công-nhà thầu, Quản lý Tích hợp bộ ba tiến độ-chi phí-chất lượng. Học phần cũng đi sâu vào một số kỹ năng lãnh đạo và quản lý cần thiết cho giám đốc dự án.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý toàn diện dự án đầu tư công từ chiến lược phát triển dự án, khởi tạo dự án, quản lý công tác tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu và thực hiện giám sát, hoàn công dự án đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO8(A), PLO9(M), PLO10(M).

19. Pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng các nguyên tắc áp dụng luật pháp Việt Nam nói chung và trong đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng. Tiếp theo là các luật và văn bản dưới luật tương ứng với quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản như luật đầu tư công, luật ngân sách, luật xây dựng, luật đấu thầu, luật liên quan đến hợp đồng trong lập dự án và thực hiện đầu tư xây dựng...vv. Học viên cần đảm bảo nắm chắc các nguyên tắc chung trong áp dụng các luật trên trong bối cảnh quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, có khả năng lựa chọn các điều khoản cụ thể và phù hợp có thể áp dụng được cho dự án trong thực tiễn.

▪ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các luật và văn bản dưới luật được hệ thống hóa theo tiến trình đầu tư xây dựng cơ bản bắt đầu từ khởi tạo dự án, lập, phân tích, thẩm định, ra quyết định đầu tư, thiết kế chi tiết, lập tổng dự toán, phân chia gói thầu, đấu thầu, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán hợp đồng

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

20. Quản lý mua sắm và hợp đồng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu học phần: Học phần bắt đầu bằng các kiến thức về các nguyên tắc cạnh tranh và bất cân xứng thông tin trong quản lý làm nền tảng cho công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng trong dự án. Tiếp theo là luật đấu thầu, hồ sơ mời thầu, mua sắm cạnh tranh và luật, văn bản dưới luật liên quan đến hợp đồng trong dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Ngoài ra, học phần này cung cấp các nguyên lý kinh tế có liên quan đến đấu thầu cạnh tranh và bất cân xứng thông tin trong thực hiện hợp đồng, giúp xây dựng một hợp đồng bình đẳng (tối ưu) trong quản lý dự án đầu tư.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nguyên lý mua sắm và đấu thầu, nguyên tắc kinh tế trong xây dựng hợp đồng cũng như luật đấu thầu và luật liên quan đến quản lý các loại hợp đồng trong dự án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

21. Luận văn tốt nghiệp

Tín chỉ: 12

❖ Điều kiện tiên quyết: theo quy định thực hiện Luận văn thạc sĩ của Trường.

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

▪ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần này giúp người học hệ thống hoá kiến thức về kinh tế và quản lý kinh tế, vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết một vấn đề trong thực tiễn theo cách tiếp cận của phương pháp khoa học; hoặc phân tích các tình huống xảy ra trong thực tiễn và đề xuất giải pháp.

▪ Tóm tắt nội dung học phần: Luận văn tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế nhằm giúp người học củng cố những kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M)/.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

TRƯỞNG KHOA KINH TẾ - LUẬT


Đỗ Ngọc Phương

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật	2018	Triết học
2	Triết học (Chương trình sau đại học)	Trường ĐH Tài chính - Marketing	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2015	Triết học
3	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
4	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức	2017	Triết học
5	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học,	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2022	Phương pháp NCKH
6	Kinh tế khu vực công	Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard	Norton & Co	2015	Kinh tế học khu vực công
7	Giáo trình Phân tích và Dự báo trong kinh tế	Nguyễn Văn Huân – Phạm Việt Bình	Khoa học và Kỹ thuật.	2021	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
8	Giáo trình Quản lý mua sắm công	Lê Chi Mai	Tài chính	2018	Quản lý đầu tư công và tài sản công
9	Quản lý tài sản công,	Trần Văn Giao	Thanh niên	2021	Quản lý đầu tư công và tài sản công
10	Principles of Management. fifteen Edition.	Stephen P. Robbins & Mary Coulter.	Pearson Publishing.	2019.	Khoa học quản lý
11	Valuation: principles into practice	Hayward, R. (Ed.)	Taylor & Francis	2014	Thẩm định giá tài sản công
12	Public Finance and Public Policy (Seventh Edition).	Jonathan Gruber	Macmillan Press, ISBN: 9781319281106.	2022	Tài chính công nâng cao (*)
13	Giáo trình Marketing địa phương	Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Ngọc	Tài chính	2025	Marketing địa phương

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Hạnh (đồng chủ biên)			
14	Kinh tế phát triển cơ bản và nâng cao,	Đinh Phi Hồ (chủ biên), Nguyễn Văn Phương	Kinh tế Tp.HCM	2015	Kinh tế phát triển cơ bản và nâng cao
15	Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research	(Mansor Ibrahim, Tika Arundina (2022),	National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS), Indonesia.	2022	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)
16	Quản trị địa phương từ lý thuyết đến thực tiễn.	Nguyễn Thị Phụng.	Khoa học xã hội	2018	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
17	OECD Digital Government Studies,	OECD	OECD Publishing	2024	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
18	Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế.	Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm.	Tài chính.	2020	Mô hình kinh tế mới
19	Making sense of change management: A complete guide to the models, tools and techniques of organizational change.	(Cameron, E., & Green, M.	Kogan Page Publishers.	2019	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
20	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cần,	Giáo dục	2017	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư
21	Quản lý tài sản công,	Trần Văn Giao	Thanh niên	2021	Quản lý dự án đầu tư công
22	Luật đầu tư Công 2019 và các Nghị định thông tư dưới Luật đầu tư công	Quốc hội 14	Chính trị quốc gia	2019	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản
23	Contract Design: The problem of information asymmetry.	Mühlbacher AC & các tác giả	Int J Integr Care	2018	Quản lý mua sắm và hợp đồng

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
2	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức	2017	Triết học
3	Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh,	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	Phương pháp NCKH
4	Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn	Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	Phương pháp NCKH
5	Giáo trình kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2024	Phương pháp NCKH
6	The Digital Transformation Playbook: Rethink Your Business for the Digital Age,	David L. Rogers	Columbia Business School Publishing	2016	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
7	Kinh tế phát triển	Vòng Thịnh Nam	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
8	Sustainable Marketing: The Industry's Role in a Sustainable Future.	Randle, P., & Eyre, A.	Kogan Page.	2024	Marketing bền vững
9	Kinh tế khu vực công	Trần Anh Tuấn Nguyễn Hữu Hải	Chính trị quốc gia	2015	Kinh tế khu vực công
10	Bank Management & Finacial Services. Seventh Edition.	Peter S.Rose and Syvia C.Hudgins. 2019.	McGrall Hill International Edition.	2019	Mô hình kinh tế mới
11	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế,	Phạm Thị Hồng Điệp. 2024.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2024	Khoa học quản lý
12	Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính	Nguyễn Trọng Hoài	Thống kê	2009	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
13	Giáo trình Quản lý tài chính công	Bùi Tiến Hanh	Tài chính	2016	Quản lý đầu tư công và tài sản công
14	Public finance (10th ed.).	Rosen, H. S., & Gayer, T.	McGraw-Hill Education	2014	Tài chính công nâng cao
15	Multiple Criteria Decision-Making Methods: Applications for Managerial Discretion (Vol. 14).	Anand, A., Agarwal, M., & Aggrawal, D. (2022).	Walter de Gruyter GmbH & Co KG	2022	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
16	Marketing Management (15th Global ed.).	Kotler, P., & Keller, K	Pearson Education Limited	2016	Marketing địa phương.

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
2	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
3	Nguyễn Huy Hoàng		Tiến sĩ, Việt Nam	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học
4	Ngô Sĩ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	Mô hình kinh tế mới
5	Bảo Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương
6	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	Kinh tế học khu vực công
7	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022	Quản lý kinh tế	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
8	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	Quản lý đầu tư công và tài sản công
9	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Khoa học quản lý
10	Nguyễn Thanh Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	Thẩm định giá tài sản công
11	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Việt	Quản trị	Mô hình ra quyết định

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			Nam, 2018	kinh doanh	quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
12	Lê Quốc Thành		Tiến sĩ, Pháp 2022	Kinh tế và Quản trị	Mô hình Kinh tế mới
13	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
14	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao
15	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển nâng cao
16	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
17	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư
18	Nguyễn Huy Khang		Việt Nam, 2017	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý dự án đầu tư công
19	Nguyễn Đức Hải		Tiến sĩ Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản
20	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Việt Nam, 2012	Kinh tế	Quản lý mua sắm và hợp đồng

4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
1	Ngô Sỹ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2014	Quản lý kinh tế	
2	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	
3	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022	Quản lý kinh tế	

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
4	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	
5	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	
6	Nguyễn Thanh Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	
7	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế	
8	Đoàn Ngọc Phúc		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	
9	Phạm Ngọc Dưỡng		Tiến sĩ, 2013	Kinh tế học	
10	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, 2016	Kinh tế học	
11	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2018	Kinh tế học	
12	Tô Anh Thơ		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế học	
13	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, 2013	Luật học	
14	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	
15	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	
16	Bùi Thanh Tùng		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế chính trị	

5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Thư ký Khoa	Khoa Kinh tế - Luật	
2	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện đào tạo Sau đại học	
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện đào tạo Sau đại học	
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện đào tạo Sau đại học	
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện đào tạo Sau đại học	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ
mạng của Trường**

[illegible]

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế và chính sách với chương trình đào tạo của các trường Đại học kinh tế quốc dân

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
I	Kiến thức chung			I	Kiến thức cơ bản		
					<i>Các học phần bắt buộc</i>		
1	Triết học	4		1	Triết học	4	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		2	Phương pháp nghiên cứu	3	
					<i>Các học phần tự chọn</i>		
				3	Kinh tế vi mô nâng cao	3	
				4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	
				5	Quản trị học nâng cao	3	
				6	Thống kê ứng dụng	3	
				7	Kinh tế lượng ứng dụng	3	
				8	Tiếng Anh kinh tế - Kinh doanh	3	
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			II	Kiến thức ngành		
2.1	Kiến thức bắt buộc				<i>Các học phần bắt buộc</i>		
3	Kinh tế học khu vực công	3		9	Lý thuyết quản lý	3	
4	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		10	Lý thuyết quản lý Nhà nước	3	
5	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3					
6	Khoa học quản lý	3					
7	Thẩm định giá tài sản công	3					
8	Tài chính công nâng cao (*)	3					

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
9	Marketing địa phương	3					
10	Kinh tế phát triển nâng cao (*)	3					
11	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)	3					
12	Nghiên cứu tình huống	3					
					Các học phần tự chọn		
					<i>Nhóm 1: công cụ trong nghiên cứu quản lý (chọn 1 học phần)</i>		
				11	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	
				12	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	
					<i>Nhóm 2: môi trường quản lý (chọn 1 học phần)</i>		
				13	Môi trường và biến đổi khí hậu	3	
				14	Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa	3	
				15	Phát triển bền vững	3	
				16	Thế chế và phát triển	3	
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn				Kiến thức chuyên ngành		
					Các học phần bắt buộc		
				17	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	
				18	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	
a	<i>Định hướng quản lý kinh tế số - bền vững</i>				Các học phần tự chọn (chọn 2 trong tổng hợp 6 học phần)		
13	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	3		19	Phát triển vùng và địa phương	3	
14	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công	3		20	Quản lý dự án	3	
15	Mô hình kinh tế mới	3		21	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	3	
16	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công	3		22	Quản lý sự thay đổi	3	
				23	Quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội	3	
				24	Quản lý khủng hoảng	3	

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế quốc dân		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
<i>b</i>	<i>Định hướng quản lý dự án</i>						
17	Lập phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3					
18	Quản lý dự án đầu tư công	3					
19	Pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản	3					
20	Quản lý mua sắm và hợp đồng	3					
III	Tốt nghiệp			III	Chuyên đề nghiên cứu và luận văn tốt nghiệp		
				25	Chuyên đề nghiên cứu 1	4	
				26	Chuyên đề nghiên cứu 2	8	
21	Luận văn tốt nghiệp	12		27	Luận văn tốt nghiệp	12	